

Nghiên Cứu Cấp Vùng Về Ô Nhiễm Trong Nông Nghiệp Của Ngân Hàng Thế Giới

Phụ lục đính kèm theo tài liệu Tổng quan tình trạng ô nhiễm nông nghiệp ở Việt Nam: Báo cáo tổng hợp

2017

Báo cáo trình cho

Ban Môi trường và Nông Nghiệp của Ngân Hàng Thế Giới

Tác giả của

Dai Nghia Tran.

nguồn chính: Cổng Thông tin Chính phủ (<http://congbao.chinhphu.vn/>).

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| A. Các văn bản luật, quy định và quy chuẩn cấp quốc gia | 3 |
| Luật..... | 3 |
| Các nghị định, quyết định của Chính phủ | 5 |
| Quyết định của Thủ tướng Chính phủ..... | 9 |
| Các quy chuẩn và quy định quốc gia | 10 |
| Thông tư liên tịch của các bộ chủ quản..... | 11 |
| B. Các quy định, chỉ thị và thông tư áp dụng với các lĩnh vực chuyên trách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 11 |
| C. Các lĩnh vực cụ thể..... | 13 |
| Lĩnh vực sản xuất trồng trọt..... | 13 |
| Lĩnh vực chăn nuôi..... | 13 |
| Lĩnh vực nuôi trồng thủy sinh | 16 |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|--|---|---------------|--------------------|--|--|
| A. Các văn bản luật, quy định và quy chuẩn cấp quốc gia | | | | | |
| Luật | | | | | |
| 1. | Luật Thủy sản 17/2003/QH11, được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2005 (đang sửa đổi) | 17/2003/QH11 | 1/7/2004 | Đưa ra các chính sách nhằm đảm bảo đảm hiệu quả kinh tế gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường và cảnh quan thiên nhiên. Việc phát triển các lĩnh vực trong hoạt động thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ tác hại của thiên tai và dịch bệnh thủy sản | Những hành vi bị cấm trong hoạt động thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> • Vi phg hoạt động thủy sản hải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Điều 18 quy định: Đối tượng • Khai thác thudộng thủy sản hải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Điều 18 quy định: Đối t • Sứhai thác thudộng thủy sản hải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Điều 18 q • Vha bthác thudộng thủy sản hải lập báo cáo đánh giá môi trường chiế |
| 2. | Luật môi trường số 52/2005/QH11, được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2005 (đã hết hạn) | 52/2005/QH11 | 1/7/2006 | Đưa ra các chính sách bảo vệ môi trường về mặt chính sách, giải pháp và nguồn lực nhằm bảo vệ môi trường; cũng như quyền hạn và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đối với công tác bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Quy định rõ các trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đối với công tác bảo vệ môi trường. • Điều 14 quy định: Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược. Điều 18 quy định: Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điều 19 quy định việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điều 20 quy định rõ các nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường. Điều 24 quy định đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường. Điều 25 quy định các nội dung của bản cam kết bảo vệ môi trường. Điều 26 quy định việc đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường. |
| 3. | Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2013 | 41/2013/QH13 | 01/01/2015 | Quy định về hoạt động phòng, chống sinh vật gây hại thực vật; kiểm dịch thực vật; quản lý thuốc bảo vệ thực vật. | <ul style="list-style-type: none"> • Các nguyên tắc về bảo vệ và kiểm dịch thực vật. • Trách nhiệm của các bộ chủ quản, các cơ quan chính phủ, các tỉnh thành và cơ quan địa phương trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật. • Nghiêm cấm các hoạt động như sản xuất, nhập khẩu, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nằm trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng hoặc không có nguồn gốc rõ ràng, hàng giả hoặc thuốc bảo vệ thực vật không có trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam. • Quy định rõ về công tác lưu trữ, vận chuyển và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật. • Thu hồi, tiêu hủy, thu gom và xử lý bao bì đóng gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|----------------------|--------------------|--|---|
| 4. | Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 23/6/2014 | 55/2014/QH13 | 01/01/2015 | Quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường. Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời. | <ul style="list-style-type: none"> • Các nguyên tắc bảo vệ môi trường. • Các chính sách quy định về bảo vệ môi trường. • Các hoạt động cần thiết nhằm bảo vệ môi trường. Điều 46 của luật quy định: Khu chăn nuôi tập trung phải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư; b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường; c) Chất thải rắn chăn nuôi phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải, tránh phát tán ra môi trường; d) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh; đ) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh. • Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp. |
| 5. | Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 22/6/2015 | Law No. 80/2015/QH13 | 01/07/2016 | Quy định thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và đoàn thể có trách nhiệm trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. | <ul style="list-style-type: none"> • Hướng dẫn các cơ quan chính phủ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên nhiều phương diện của công tác bảo vệ môi trường nông nghiệp. Ví dụ như: • Chi cục bảo vệ sản xuất cây trồng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (Bộ NN&PTNT) có trách nhiệm đề xuất và dự thảo các thông tư và chỉ dẫn liên quan đến phân bón và thuốc trừ sâu còn các đoàn thể nằm trong và ngoài Bộ NN&PTNT được kêu gọi tham luận và đóng góp cho quá trình này. |
| 6. | Luật thú y số 79/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2015 | 79/2015/QH13 | 01/07/2016 | Quy định về phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh động vật; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; quản lý thuốc thú y; hành nghề thú y. | <ul style="list-style-type: none"> • Trách nhiệm của các bộ chủ quản, ban, ngành của chính phủ, các tỉnh thành và chính quyền địa phương trong lĩnh vực thuốc thú y, quản lý thuốc thú y và kiểm soát vệ sinh thú y bao gồm cả lĩnh vực sản xuất thủy sản. • Nghiêm cấm các hoạt động như chôn các loại rác thải và xác động vật chết; xả nước thải, chất thải mang mầm bệnh ra môi trường; và sử dụng nguyên liệu thuốc thú y để phòng bệnh, chữa bệnh động vật; sử dụng thuốc thú y không rõ nguồn gốc xuất xứ, thuốc thú y cấm sử dụng, thuốc thú y hết hạn sử dụng, thuốc thú y chưa được phép lưu hành tại Việt Nam. • Quy định việc lưu trữ và sử dụng thuốc thú y nằm trong danh mục dự trữ quốc gia. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|--|--|-------------------|--------------------|--|--|
| 7. | Luật thủy sản sửa đổi (Đang trình quốc hội chờ thông qua) | NA | NA | <p>Hoạt động thủy sản phải:</p> <p>Đảm bảo phát triển bền vững và có trách nhiệm; hiệu quả kinh tế gắn với bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, tính đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường, hệ sinh thái và cảnh quan thiên nhiên; kết hợp hài hòa lợi ích và tăng cường sự tham gia của các bên liên quan.</p> <p>Việc phát phải theo quy hoạch, kế hoạch Chủ động phòng, tránh, giảm nhẹ tác hại của thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu</p> <p>Tuân thủ các quy định về các rào cản kỹ thuật (TBT); rào cản an toàn thực phẩm và an toàn bệnh, dịch động, thực vật thủy sản (SPS).</p> | <p>Những hành vi bị cấm trong hoạt động thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hủy hoại rạn đá ngầm, rạn san hô, bãi thực vật ngầm, rừng ngập mặn và hệ sinh cảnh khác; Lấn chiếm, xâm hại các khu bảo tồn vùng nước nội địa, khu bảo tồn biển đã được quy hoạch và công bố; Sử dụng hóa chất cấm, chất nổ, điện và phương pháp khai thác có tính huỷ diệt để khai thác thủy sản Xả thải nước, chất thải từ cơ sở sản xuất giống thủy sản, cơ sở sản xuất thức ăn thủy sản, cơ sở nuôi, trồng thủy sản, cơ sở bảo quản, sơ chế, chế biến thủy sản mà chưa qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt tiêu chuẩn quy định vào môi trường xung quanh. Đưa tạp chất vào nguyên liệu, sản phẩm thủy sản. |
| Các nghị định, quyết định của Chính phủ | | | | | |
| 8. | Nghị định số 80/2006/ND-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều trong Luật bảo vệ môi trường (đã hết hạn) | 80/2006/ND-CP | 3/9/2006 | Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về tiêu chuẩn môi trường; đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá tác động môi trường (EIA) và cam kết bảo vệ môi trường; bảo vệ môi trường trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; quản lý chất thải nguy hại; công khai thông tin, dữ liệu về môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Tập trung vào các hoạt động liên quan đến nông nghiệp, bao gồm đánh giá tác động môi trường (EIA), quản lý rác thải và bảo vệ môi trường nông thôn. |
| 9. | Nghị định số 59/2007/NĐ-CP, đề ngày 9/4/2007 (đã hết hạn) | 59/2007/NĐ-CP | 18/5/2007 | Quy định việc quản lý chất thải rắn và quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đoàn thể có hoạt động liên quan đến chất thải rắn. | <ul style="list-style-type: none"> Công tác quản lý chất thải rắn bao gồm việc đóng gói các sản phẩm hóa học độc hại đã qua sử dụng hoặc phế phẩm hóa học dùng trong sản xuất nông lâm nghiệp (Điều 22). |
| 10. | Nghị định 21/2008/ND-CP của Thủ tướng chính phủ, đề ngày 28/2/2008 (đã hết hạn) | No. 21/2008/ND-CP | 21/3/2008 | Điều chỉnh và bổ sung một số điều của Nghị định chính phủ số 80/2006/ND-CP đề ngày 9/8/2006, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi một số điều của Nghị định 80/2006/ND-CP đề ngày 9/8/2006. Theo các văn bản pháp lý này, những trang trại gia súc quy mô lớn với hơn 1,000 động vật và 20,000 gia cầm sẽ phải tiến hành đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng nhằm đảm bảo đóng góp vào công tác giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ hoạt động gia súc. Những trang trại hộ gia đình nhỏ, quy mô nhỏ phải đệ trình Cam kết bảo vệ môi trường, một mẫu văn bản nằm trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Bản cam kết bảo vệ môi trường cần được đăng ký với Ủy ban nhân dân quận hoặc xã để được cấp giấy “Chứng nhận”. |
| 11. | Nghị định số 79/2008/NĐ-CP, đề ngày 18/7/2008 (đã hết hạn) | 79/2008/NĐ-CP | 16/8/2008 | Quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra và kiểm nghiệm về vệ sinh an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương. | <ul style="list-style-type: none"> Quy định hệ thống tổ chức quản lý, thanh tra, và kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm. Điều 8, Mục 2 quy định: các nội dung thanh tra đối với an toàn vệ sinh thực phẩm trong phát triển nông nghiệp và nông thôn. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|----------------|--------------------|---|--|
| 12. | Nghị định số 08/2010/NĐ-CP: về quản lý thức ăn chăn nuôi | 08/2010/NĐ-CP | 05/02/2010 | Quy định về sản xuất, kinh doanh; xuất khẩu, nhập khẩu; khảo nghiệm và công nhận thức ăn chăn nuôi; quản lý nhà nước; kiểm tra, thanh tra và các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động liên quan đến lĩnh vực thức ăn chăn nuôi trên lãnh thổ Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> Vệ sinh và an toàn thức ăn chăn nuôi nghĩa là những điều kiện và biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo thức ăn chăn nuôi không gây hại đến sức khỏe động vật, người tiêu dùng sản phẩm từ động vật, cũng như đến môi trường. Cần có các hệ thống xử lý rác thải thân thiện với môi trường và các điều kiện vệ sinh môi trường cũng như an toàn lao động cần thiết tuân thủ theo luật lao động và luật môi trường. Cần có địa điểm thích hợp nhằm đảm bảo sức khỏe và vệ sinh động vật cũng như hệ thống vệ sinh môi trường như pháp luật quy định. |
| 13. | Nghị định số 72/2010/NĐ-CP: về phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường | 72/2010/NĐ-CP | 01/09/2010 | Quy định về tổ chức, hoạt động phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng ngừa, đấu tranh tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường | <ul style="list-style-type: none"> Stội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trách nhidội, giám sát, thu thập thông tin về hoạt động của các đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật về môi trường và phát hiện các công cụ, phương tiện, cách thức vi phạm pháp luật về môi trường; Thu gihạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường; trách nhidội, giám sát, thu thập thông tin về hoạ Đình chỉ hoạt động có liên quan trực tiếp đến việc gây ô nhiễm môi trường của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. |
| 14. | Nghị định số 103/2013 / NĐ-CP: Quy định về việc xử lý các vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản | 103/2013/ND-CP | 12/09/2013 | Quy định xử phạt các vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, đối tượng bị xử phạt, mức tiền phạt tối đa đối với các tổ chức, cá nhân và các biện pháp khắc phục hậu quả. | <ul style="list-style-type: none"> Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sống của các loài thủy sinh. Mức phạt dao động từ 3.000.000 VNĐ đến 5.000.000 VNĐ đối với các hoạt động xả thải hoặc nước thải ô nhiễm hoặc không đáp ứng các tiêu chuẩn cần thiết. Mức phạt từ 10.000.000 VNĐ đến 15.000.000 VNĐ đối với các hoạt động xả thải nhiễm độc với các loài thủy sinh bị phơi nhiễm hoặc các loài thủy sinh bị bệnh sang các khu vực thủy sinh khác hoặc môi trường tự nhiên khác. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường hoặc ngừng lan rộng các hiểm họa có liên quan các hoạt động như quy định tại khoản 2 và 3 của Điều này. |
| 15. | Nghị định số 202/2013/NĐ-CP về quản lý phân bón | 202/2013/NĐ-CP | 27/11/2013 | Quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu phân bón; quản lý chất lượng, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, đặt tên phân bón; trách nhiệm quản lý nhà nước về phân bón. | <p>Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chỉ đạo hướng dẫn sử dụng phân bón có hiệu quả, không gây ô nhiễm môi trường. Có hệ thống xử lý rác thải đáp ứng tiêu chuẩn và quy phạm quốc gia về môi trường. Đưa ra tất cả các quy định về an toàn cháy nổ, bảo vệ môi trường. Quy định về việc nhập khẩu phân bón: Phân bón nhập khẩu phải an toàn với môi trường. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|--|--------------------|--------------------|--|--|
| 16. | Nghị định 157/2013/ND-CP về xử phạt vi phạm hành chính đối với các quy định về quản lý, phát triển, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. | No. 157/2013/ND-CP | 11/11/2013 | Quy định về hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính về quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. | <ul style="list-style-type: none"> • Nếu động vật rừng chết hoặc nhiễm dịch, bệnh gây ô nhiễm môi trường mà không thực hiện được biện pháp xử lý khác ngoài biện pháp tiêu hủy và người vi phạm không tự nguyện thực hiện tiêu hủy hoặc không xác định được người vi phạm thì thành lập Hội đồng tiêu hủy. • Quy định về việc khai thác trái phép về mặt cảnh quan, môi trường và các dịch vụ lâm nghiệp khác. |
| 17. | Nghị định số 119/2013/ND-CP về việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi. | 119/2013/ND-CP | 09/10/2013 | Quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền xử phạt và thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi (bao gồm cả giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản). | <ul style="list-style-type: none"> • Quy định các vi phạm hành chính, hình thức và mức độ xử phạt và các biện pháp khắc phục hậu quả về sản lượng đối với công tác xử lý và tái tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản và giống vật nuôi. • Tiêu hủy xác động vật, khắc phục ô nhiễm môi trường đối với những trường hợp vi phạm như đã quy định tại điểm b, khoản 3 của điều này. • Quy định rõ những vi phạm về quản lý sản phẩm xử lý và cải tạo môi trường đối với giống vật nuôi cũng như thực hành thú y và thủy sản. |
| 18. | Nghị định số 25/2013/NĐ-CP, đề ngày 29/3/2013 | No. 25/2013/NĐ-CP | 29/3/2013 | Quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. | <ul style="list-style-type: none"> • Đưa ra các mức phí đối với việc xả nước thải ra môi trường từ các cơ sở sản xuất và chế biến sản phẩm thủy sản, lâm sản và nông nghiệp (rác thải công nghiệp). • Đưa ra mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, chế độ thu, nộp, quản lý, và sử dụng theo đó. |
| 19. | Nghị định số 179/2013/ND-CP về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường | 79/2013/ND-CP | 14/11/2013 | Quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Quy định về các vi phạm hành chính, hình thức và mức độ xử phạt, các biện pháp khắc phục xử lý và cải tạo môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học, tiêu hủy các chất hóa học nông nghiệp nhập khẩu trái phép, v.v. |
| 20. | Nghị định số 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra (<i>Pangasius</i>) | 36/2014/ND-CP | 29/04/2014 | Quy định các điều kiện và yêu cầu đối với việc nuôi, xử lý và xuất khẩu cá Tra từ Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> • Quy định các biện pháp bảo vệ môi trường khi tiến hành nuôi và xử lý sản phẩm cá Tra. |
| 21. | Nghị định 18/2015/NĐ-CP về quy hoạch bảo vệ môi trường (EPP), đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá tác động môi trường (EIA) và kế hoạch bảo vệ môi trường | No. 18/2015/ND-CP | 01/04/2015 | Thực hiện quy hoạch bảo vệ môi trường (EPP), đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá tác động môi trường (EIA) và kế hoạch bảo vệ môi trường của Luật Bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (SEA): đề ra các chiến dịch hoặc quy hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, tưới tiêu hoặc ngành chăn nuôi; quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản; và hệ thống tưới tiêu. • Thực hiện đánh giá tác động môi trường (EIA): các dự án xây dựng cơ sở thủy sinh với phạm vi ít nhất 1.000 tấn sản lượng một năm. • Các dự án tiêm phòng cho các cơ sở chăn nuôi gia súc và gia cầm, các cơ sở nuôi và chăm sóc động vật hoang dã với phạm vi ít nhất 1.000m² (đối với chăn nuôi gia súc, gia cầm) và ít nhất 500m² (đối với chăn nuôi động vật hoang dã) • Chăn nuôi gia súc, gia cầm và động vật hoang dã với cơ sở hạ tầng có phạm vi chăn nuôi ít nhất 50m² trong khu vực và nuôi trồng thủy sinh với diện tích bề mặt ít nhất 5.000m² được miễn đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|-------------------|--------------------|--|--|
| 22. | Nghị định số 19/2015/ND-CP quy định chi tiết việc thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ môi trường | 19/2015/ND-CP | 01/04/2015 | Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường bao gồm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất. | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát ô nhiễm môi trường đất đối với khu vực bị ô nhiễm hóa chất độc hại sử dụng trong chiến tranh, hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu và các chất độc hại khác và trách nhiệm kiểm soát ô nhiễm môi trường đất của các cơ quan đoàn thể (Chương III). |
| 23. | Nghị định số 38/2015/ND-CP về quản lý chất thải và phế liệu. | No. 38/2015/ND-CP | 15/06/2015 | Quy định về quản lý chất thải bao gồm chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thường, sản phẩm thải lỏng, nước thải, khí thải công nghiệp và các chất thải đặc thù khác; bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu. | <ul style="list-style-type: none"> Quản lý chất thải từ hoạt động nông nghiệp như đã quy định tại Điều 51 bao gồm hoạt động đóng gói các hóa chất bảo vệ thực vật sau khi sử dụng, tái sử dụng nước thải chăn nuôi cho hoạt động tưới cây hoặc được sử dụng trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp khác, v.v. |
| 24. | Nghị định 15/2017/NĐ-CP quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn | 15/2017/NĐ-CP | 17/02/2017 | Quy định rõ ràng và chi tiết chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (MARD) bao gồm từng phòng ban và cơ quan chủ quản của MARD. | <ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ và trách nhiệm chủ đạo của Bộ NN&PTNT và các phòng ban/cơ quan trọng điểm của mình trong quản lý đầu vào nông nghiệp và dây chuyền sản xuất, vận chuyển, cũng như cách sử dụng, ví dụ như phân bón hay các hóa chất dùng trong nông nghiệp khác. |
| 25. | Nghị định số 39/2017/NĐ-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi và thủy sản | 39/2017/NĐ-CP | 04/04/2017 | Quy định về điều kiện kinh doanh, sử dụng, khảo nghiệm, chứng nhận, kiểm tra và quản lý nhà nước về thức ăn chăn nuôi, thủy sản thương mại. | <ul style="list-style-type: none"> Các tổ chức và cá nhân nhập khẩu thức ăn chăn nuôi hoặc thủy sản phải có hoặc mượn nhà kho để bảo quản thức ăn chăn nuôi và thủy sản cũng như bảo vệ môi trường. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh là hướng dẫn việc sử dụng thức ăn chăn nuôi và thủy sản có hiệu quả và không để gây ra ô nhiễm môi trường. |
| 26. | Nghị định số 41/2017/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản, lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. | 41/2017/NĐ-CP | 05/04/2017 | Sửa đổi nghị định về xử lý vi phạm hành chính trong các hoạt động: đánh bắt, lĩnh vực thú y, chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi, quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản. | <ul style="list-style-type: none"> Điểm a, khoản 8 của Điều 5 được sửa đổi và bổ sung như sau: Buộc phải tiêu hủy động vật chết hoặc bị bệnh cũng như các sản phẩm từ đó; Cải thiện ô nhiễm môi trường đối với hoạt động vi phạm như quy định tại Điểm b, mục 3. |
| 27. | Nghị định số 154/2016/NĐ-CP về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 154/2016/ND-CP | 01/01/2017 | Quy định về đối tượng chịu phí, các trường hợp miễn phí, người nộp phí, mức thu, kê khai, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (bao gồm nước thải công nghiệp xả từ các trang trại gia súc và gia cầm và các lò mổ, cơ sở nuôi trồng thủy sinh, v.v.) | <ul style="list-style-type: none"> Tổng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp được đưa ra ở Mục 2, Điều 7. Người nộp phí sẽ phải trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, được đưa vào hóa đơn nước hàng tháng, cho bên cung cấp nước sạch. Ủy ban nhân dân huyện sẽ tính toán và thu phí của các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và doanh nghiệp tự sử dụng nguồn nước riêng ở địa phương. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|---|---|----------------|--------------------|--|--|
| Quyết định của Thủ tướng Chính phủ | | | | | |
| 28. | Quyết định số 1946/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước | 1946/QĐ-TTg | 21/10/2010 | Phê duyệt Kế hoạch xử lý, phòng ngừa ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước kèm theo quyết định này. | <ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành biện pháp xử lý, cải tạo, và khôi phục môi trường ở những khu vực bị ô nhiễm bởi thuốc trừ sâu nhằm ngăn ngừa và/hoặc giảm thiểu những ảnh hưởng tiêu cực của thuốc trừ sâu lên con người và môi trường, đảm bảo phát triển bền vững. |
| 29. | Quyết định 1216/QĐ-TTg về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường toàn quốc đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030 | 1216/QĐ-TTg | 05/09/2012 | Quản lý và hạn chế tình trạng gia tăng ô nhiễm môi trường, cạn kiệt nguồn tài nguyên và suy thoái đa dạng sinh học; tiếp tục cải thiện môi trường sống; và cải thiện năng lực xử lý biến đổi khí hậu, hướng tới sự phát triển bền vững trên toàn quốc. | <ul style="list-style-type: none"> Khuyến khích ứng dụng các kỹ thuật canh tác và sử dụng đất bền vững trong nông nghiệp, hạn chế việc sử dụng các hóa chất và phân bón phi hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp, cũng như ngăn ngừa hiện tượng xói mòn và suy thoái đất. |
| 30. | Quyết định 1393/QĐ-TTg về việc phê duyệt chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh | 1393/QĐ-TTg | 25/09/2012 | Tăng trưởng xanh, tiến tới nền kinh tế các-bon thấp, làm giàu vốn tự nhiên trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển kinh tế bền vững; giảm phát thải và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội. | <ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, chuyển dịch cơ cấu vật nuôi, cây trồng, mùa vụ trong trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, thủy lợi và trong ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn. Nghiên cứu, áp dụng các quy trình, công nghệ sử dụng tiết kiệm, hiệu quả giống, thức ăn, vật tư nông nghiệp, tài nguyên đất, nước... và giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất nông nghiệp. Phổ biến rộng rãi công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp tạo ra thức ăn chăn nuôi, trồng nấm, làm nguyên liệu công nghiệp, biogas và phân bón hữu cơ và giảm phát thải khí nhà kính. |
| 31. | Chỉ thị 10/2015/CT-TTg về tăng cường công tác kiểm soát, khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản | 10/2015/CT-TTg | 29/05/2015 | Tăng cường kiểm soát, sớm khắc phục có hiệu quả tình trạng ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản, thực hiện Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> Tập trung thống kê, rà soát, phân loại về quy mô, mức độ ô nhiễm môi trường đối với các cơ sở sản xuất và xử lý trong lĩnh vực thủy sản. Xử lý môi trường trong sản xuất và chế biến trong lĩnh vực thủy sản, tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường trong lĩnh vực thủy sản. |
| 32. | Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đề ngày 17/10/2016 về việc ban hành bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | 1980/QĐ-TTg | 17/10/2016 | 19 tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 | <ul style="list-style-type: none"> Tiêu chí 17: Môi trường và an toàn thực phẩm với 4 chỉ số cụ thể trong quản lý môi trường đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp (quản lý chất thải và dư chất tồn đọng cũng như an toàn sản xuất thực phẩm) |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|---|--|----------------------------|--------------------|---|--|
| Các quy chuẩn và quy định quốc gia | | | | | |
| 33. | QCVN 10: 2008/TT-BTNMT | QCVN 10: 2008/TT-BTNMT | | Đưa ra các thông số và ngưỡng chất lượng nước ven bờ. | <ul style="list-style-type: none"> Quy chuẩn này áp dụng để đánh giá và kiểm soát chất lượng nước ven bờ đối với hoạt động thủy sản và các mục đích khác. |
| 34. | QCVN 38: 2011/TT-BTNMT | QCVN 38: 2011/TT-BTNMT | 15/2/2012 | Đưa ra các thông số và ngưỡng chất lượng nước mặt dùng để bảo vệ các vi sinh trong nước. | <ul style="list-style-type: none"> Quy định này được áp dụng để đánh giá và kiểm soát chất lượng nước mặt nhằm đảm bảo tính tương thích của nước và an toàn của các loài thủy sinh. |
| 35. | QCVN 40/2011/BTNMT | QCVN 40/2011/BTNMT | 1/3/2012 | Quy chuẩn kỹ thuật này áp dụng cho nước thải động vật theo Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam về nước thải công nghiệp (trước đây là QCVN 24/2009/BTNMT và sau này là QCVN 40/2011/BTNMT). | <ul style="list-style-type: none"> Theo quy chuẩn này, đối với nước thải, các quy định này nêu rõ nhu cầu oxy sinh hóa trong 5 ngày (BOD5) cần đạt mức 30 milligram trên 1 lít khí và nhu cầu oxy hóa học (COD) cần đạt 75 milligrams trên 1 lít khí (thấp hơn nhiều so với Thái Lan và các nước công nghiệp). Điều này ngăn cản các trại chăn nuôi thực hiện các hệ thống xử lý. |
| 36. | QCVN 01-81:2011/BNNPTNT: Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - điều kiện vệ sinh thú y | QCVN 01-81:2011/BNNPTNT | 25/10/2011 | Cơ sở sản xuất kinh doanh thủy sản giống - điều kiện vệ sinh thú y | <ul style="list-style-type: none"> Quy định các điều kiện vệ sinh thú y áp dụng với các cơ sở tham gia vào hoạt động sản xuất và kinh doanh thủy sản giống. |
| 37. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-19: 2014 / BNNPTNT về cơ sở nuôi tôm nước lợ - điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm | QCVN 02-19: 2014 / BNNPTNT | 03/09/2014 | Quy định những điều kiện về địa điểm nuôi; cơ sở hạ tầng; hoạt động nuôi; nước thải, chất thải; lao động kỹ thuật của cơ sở nuôi bán thâm canh và thâm canh tôm Sú, cơ sở nuôi thâm canh tôm Chân trắng (sau đây gọi tắt là cơ sở nuôi) để bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. | <ul style="list-style-type: none"> Nước từ ao xử lý nước thải chỉ được xả ra môi trường xung quanh khi bảo đảm giá trị của các thông số quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật này. |
| 38. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-20: 2014 / BNNPTNT về cơ sở nuôi cá tra trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn. | QCVN 02-20: 2014 / BNNPTNT | 29/07/2014 | Quy định những điều kiện về địa điểm nuôi; cơ sở hạ tầng; hoạt động nuôi; nước thải, chất thải; lao động kỹ thuật của cơ sở nuôi thâm canh cá Tra trong ao để bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. | <ul style="list-style-type: none"> Nước từ ao nuôi chỉ được xả ra môi trường xung quanh khi bảo đảm giá trị của các thông số quy định. |
| 39. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-22: 2015 / BNNPTNT về cơ sở nuôi cá lồng/bể nước ngọt - các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường | QCVN 02-22: 2015 / BNNPTNT | 23/04/2015 | Quy định những điều kiện để đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi cá lồng/bể nước ngọt. | <ul style="list-style-type: none"> Rác thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước. Không xả rác, thức ăn ôi thiu xuống khu vực lồng/bể và môi trường xung quanh. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|-----------------------|--------------------|---|---|
| 40. | Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 08-MT:2015/BTNMT về chất lượng nước mặt | QCVN 08-MT:2015/BTNMT | 01/3/1016 | Quy định chi tiết các chỉ số giới hạn các thông số chất lượng của nước mặt. | <p>Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia này được dùng để:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đánh giá và quản lý chất lượng của nguồn nước mặt, làm căn cứ cho việc bảo vệ và sử dụng nước một cách phù hợp. • Làm căn cứ để lập, phê duyệt quy hoạch sử dụng nước theo các mục đích sử dụng xác định. • Đánh giá sự phù hợp của chất lượng nước mặt đối với quy hoạch sử dụng nước đã được phê duyệt. • Làm căn cứ để kiểm soát các nguồn thải vào nguồn tiếp nhận, đảm bảo nguồn nước mặt luôn phù hợp với mục đích sử dụng. • Làm căn cứ để thực hiện các biện pháp cải thiện, phục hồi chất lượng nước. |
| 41. | Quy chuẩn và Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 62-MT:2016/BTNMT về nước thải chăn nuôi | QCVN 62-MT:2016/BTNMT | 16/05/2016 | Quy định rõ các điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật đối với công tác quản lý nước thải từ hoạt động sản xuất chăn nuôi. | <ul style="list-style-type: none"> • Quy định cụ thể các điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật, ví dụ như, COD và BOD, trong nước thải xả ra môi trường, nhằm hướng dẫn người sản xuất tuân thủ theo. Quy chuẩn này cũng thay thế quy chuẩn QCVN 40/2011/BTNMT. |

Thông tư liên tịch của các bộ chủ quản

| | | | | | |
|-----|---|------------------------------|------------|---|---|
| 42. | Thông tư số 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về phát triển nông thôn thuộc ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. | No. 14/2015/TTLT-BNNPTNT-BNV | 25/3/2015 | Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, người đứng đầu, cơ cấu tổ chức và trách nhiệm của lãnh đạo các phòng ban chuyên môn về Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn và Ủy ban Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện. | <ul style="list-style-type: none"> • Nhiệm vụ chức năng và trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các chi cục trực thuộc trong quản lý nguyên liệu nông nghiệp đầu vào và công tác sản xuất, vận chuyển, sử dụng ví dụ như với thuốc trừ sâu và các hóa chất nông nghiệp khác. |
| 43. | Thông tư liên tịch số 05 /2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. (của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Bộ Tài nguyên Môi trường) | 05 /2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT | 16/05/2016 | Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng. | <ul style="list-style-type: none"> • Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng cần được thu gom vào thùng để vận chuyển đến các cơ sở xử lý. |

B. Các quy định, chỉ thị và thông tư áp dụng với các lĩnh vực chuyên trách của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

| | | | | | |
|-----|---|----------------|------------|--|--|
| 44. | Chỉ thị số 1311/CT-BNN-TT về việc đẩy mạnh ứng dụng thực hành nông nghiệp tốt (VIETGAP) trong sản xuất trồng trọt | 1311/CT-BNN-TT | 04/05/2012 | Nhằm tiếp tục nâng cao ứng dụng thực hành nông nghiệp tốt trong sản xuất trồng trọt. | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hành nông nghiệp tốt VietGAP giúp bảo vệ môi trường và sức khỏe cũng như an sinh xã hội cho người lao động. |
|-----|---|----------------|------------|--|--|

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|--|----------------------|--------------------|---|---|
| 45. | Chỉ thị số 3246/CT-BNN-PC về việc tăng cường quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật. | 3246/CT-BNN-PC | 18/04/2013 | Tăng cường quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm trong sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật. | <ul style="list-style-type: none"> Thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y và thuốc bảo vệ thực vật có chất lượng thấp và một số nông dân đã cố sử dụng hóa chất kích thích tăng trưởng cây trồng vốn gây nhiều tác động tiêu cực lên môi trường và an toàn thực phẩm. |
| 46. | Thông tư 55/2014/TT-BNNPTNT đề ngày 31/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn về việc hướng dẫn triển khai một số hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới | 55/2014/TT-BNNPTNT | 31/12/2014 | Hướng dẫn triển khai một số hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới | <ul style="list-style-type: none"> Một trong các nguyên tắc trong các hoạt động bảo vệ môi trường trong Chương trình Mục tiêu quốc gia Phát triển nông thôn mới là Xây dựng và vận hành bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường trong Chương trình (thu gom chất thải rắn, xử lý nước thải, cải tạo và chỉnh trang nghĩa trang) |
| 47. | Chỉ thị số 1865/CT-BNN-TY về việc đẩy mạnh quản lý sản xuất, buôn bán và sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và an toàn thực phẩm do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành | 1865/CT-BNN-TY | 04/03/2015 | Đẩy mạnh quản lý, buôn bán và sử dụng thuốc kháng sinh trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và an toàn thực phẩm. | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm soát sử dụng thức ăn thủy sản và hóa chất phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. |
| 48. | Thông tư số 31/2015 / TT-BNNPTNT đề ngày 06/12/2015, quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản. | 31/2015 / TT-BNNPTNT | 6/12/2015 | Quy định về giám sát dư lượng các chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản. | <ul style="list-style-type: none"> Quản lý dư lượng các chất độc hại, phần còn lại của thuốc thú y, chất kích thích sinh trưởng và sinh sản, nhằm giảm thiểu tác hại lên sức khỏe con người và môi trường. |
| 49. | Thông tư số 15/2015 / TT-BNNPTNT đề ngày 26/3/2015 về việc hướng dẫn nhiệm vụ các chi cục và các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | 15/2015 / TT-BNNPTNT | 26/03/2015 | Quy định rõ chức năng và trách nhiệm của các chi cục và tổ chức sự nghiệp trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. | <p>Chức năng và trách nhiệm của Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật:</p> <ul style="list-style-type: none"> Quản lý phân bón Bảo vệ giống cây trồng và kiểm dịch thực vật Quản lý thuốc bảo vệ cây trồng^a bao gồm sản xuất, buôn bán, vận chuyển, lưu trữ, sử dụng và thu gom cũng như xử lý bao gói sau khi sử dụng. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|--|----------------------|--------------------|--|---|
| 50. | Thông tư 17/2016 / TT-BNNPTNT hướng dẫn quản lý các nhiệm vụ bảo vệ môi trường | 17/2016 / TT-BNNPTNT | 24/06/2016 | Hướng dẫn quản lý công tác bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Đề xuất các công tác môi trường • Phát triển và phê duyệt danh mục các công tác môi trường. |
| 51. | Chỉ thị 9729 / CT-BNN-KHCN đề ngày 17/11/2016, về nhiệm vụ và giải pháp cấp bách nhằm thúc đẩy bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. | 9729 / CT-BNN-KHCN | 17 / 11 / 2016 | Nhiệm vụ và giải pháp cấp bách nhằm thúc đẩy bảo vệ môi trường trong lĩnh vực nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. | <ul style="list-style-type: none"> • Đẩy mạnh công tác giám sát và quản lý chất lượng nước của hệ thống tưới tiêu nhằm đáp ứng các yêu cầu về nguồn cung nước trong sản xuất nông nghiệp, thủy sinh, nhu cầu của nông dân và các khu vực kinh tế khác. |
| 52. | Thông tư 35/2016/ TT-BNNPTNT đề ngày 26/12/2016, hướng dẫn các quận/huyện thực hiện tiêu chí nông thôn mới cho giai đoạn 2016-2020 | 35/2016/TT-BNNPTNT | 26/12/2016 | Hướng dẫn các quận/huyện thực hiện tiêu chí nông thôn mới cho giai đoạn 2016-2020 | <ul style="list-style-type: none"> • Tiêu chí và hướng dẫn thực hiện và tổ chức. |

C. Các lĩnh vực cụ thể

Lĩnh vực sản xuất trồng trọt

| | | | | | |
|-----|--|--------------------|------------|---|--|
| 53. | Thông tư số 21/2015/TT-BNNPTNT về quản lý thuốc bảo vệ thực vật | 21/2015/TT-BNNPTNT | 8/06/2015 | Quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật bao gồm: đăng ký; khảo nghiệm; sản xuất, buôn bán; xuất khẩu, nhập khẩu; kiểm tra chất lượng; chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy; bảo quản, vận chuyển; sử dụng; ghi nhãn; bao gói; quảng cáo; thu hồi, tiêu hủy thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> • Nội dung các khóa đào tạo về việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tập trung vào khía cạnh bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm. |
| 54. | Chỉ thị số 3606/CT-BNN-BVTV về việc tăng cường kiểm tra, kiểm soát và xử lý việc nhập lậu, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu. | 3606/CT-BNN-BVTV | 09/09/2016 | Ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu. | <ul style="list-style-type: none"> • Nhập lậu, vận chuyển, buôn bán, và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, v.v. |

Lĩnh vực chăn nuôi

| | | | | | |
|-----|---|----------------|----------------------|--|---|
| 55. | Quyết định số 3065/QĐ-BNN-NN, đề ngày 7/11/2005 | 3065/QĐ-BNN-NN | 7/11/2005-24/12/2014 | Quyết định này quy định về điều kiện chăn nuôi, ấp trứng, vận chuyển, giết mổ, buôn bán gia cầm và sản phẩm gia cầm. | <ul style="list-style-type: none"> • Các quy định về điều kiện liên quan đến an sinh của khu vực có hoạt động sản xuất, ấp trứng, vận chuyển, giết mổ và buôn bán gia cầm và các sản phẩm gia cầm. |
|-----|---|----------------|----------------------|--|---|

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|--------------------|-----------------------|--|---|
| 56. | Thông tư số 12/2006/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường đề ngày 26/12/2006 | 12/2006/TT- BTNMT | 19/1/2007 – 01/6/2011 | Hướng dẫn điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại; thủ tục lập hồ sơ, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại, cấp mã số quản lý chất thải nguy hại; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây phát sinh chất thải nguy hại hoặc tham gia quản lý chất thải nguy hại trên lãnh thổ Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> Đưa ra hướng dẫn điều kiện hành nghề vận chuyển, xử lý, tiêu hủy chất thải nguy hại; thủ tục lập hồ sơ, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại. Các cơ sở sản xuất nông nghiệp xả thải độc hại là đối tượng của Thông tư này. |
| 57. | Thông tư số 07/2007/TT- BTNMT của Bộ Tài nguyên Môi trường đề ngày 03/7/2007 | 07/2007/TT- BTNMT | 20/8/2007 | Hướng dẫn việc phân loại và xác định các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và đưa ra những giải pháp pháp lý khác nhau. | <ul style="list-style-type: none"> Các cơ sở sản xuất nông nghiệp gây ô nhiễm môi trường là đối tượng đề cập của Thông tư. |
| 58. | Quyết định 1504/QĐ-BNN-KHCN đề ngày 15/5/2008, ban hành quy trình thực hành chăn nuôi tốt cho chăn nuôi gia cầm an toàn | 1504/QĐ-BNN-KHCN | 15/05/2008 | Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Quy trình thực hiện chăn nuôi tốt cho Chăn nuôi gia cầm an toàn, khuyến khích các nhà sản xuất gia cầm, không kể đến quy mô sản xuất, áp dụng các phương pháp nhằm giảm thiểu rủi ro bệnh tật và bệnh truyền nhiễm; bảo vệ an toàn và chất lượng sản phẩm gia cầm cũng như sức khỏe con người và môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> Khuyến khích các nhà sản xuất gia cầm, không kể đến quy mô sản xuất, áp dụng các phương pháp nhằm giảm thiểu rủi ro bệnh tật và bệnh truyền nhiễm; bảo vệ an toàn và chất lượng sản phẩm gia cầm cũng như sức khỏe con người và môi trường. |
| 59. | Thông tư 04/2010/TT-BNNPTNT đề ngày 15/1/2010, về Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn | 04/2010/TT-BNNPTNT | 15/7/2010 | Ban hành các quy chuẩn kỹ thuật về an toàn sinh học ở các trại chăn nuôi lợn và gia cầm. | <ul style="list-style-type: none"> QCVN, 2010. Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn đã ban hành Các điều kiện Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về an toàn sinh học ở các Trại Chăn nuôi lợn và gia cầm. |
| 60. | Thông tư 27/2011/TT-BNNPTNT đề ngày 13/4/2011, về Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn | 27/2011/TT-BNNPTNT | 28/5/2011 | Hướng dẫn về tiêu chí xác định kinh tế trang trại, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại và thu hồi giấy chứng nhận kinh tế trang trại. | <ul style="list-style-type: none"> Chương 2 đề cập đến các điều khoản về điều kiện tiêu hủy chất thải, đảm bảo vệ sinh môi trường ở các trại chăn nuôi. |
| 61. | Quyết định số 985/QĐ-BNN-CN ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án “tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. | 985 / QĐ-BNN-CN | 9/5/2014 | Ban hành kế hoạch hành động thực hiện Đề án “tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. | <ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi và ban hành các văn bản quản lý nhà nước về giống vật nuôi và thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi gắn với biến đổi khí hậu. Ban hành các quy chuẩn, tiêu chuẩn về giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi; phòng chống dịch bệnh và vệ sinh thú y. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|---|------------------------|--------------------|---|---|
| 62. | Thông tư số 50/2014/TT-BNNPTNT đề ngày 24/12/2014, điều chỉnh thông tư số 66/2011/TT - BNNPTNT hướng dẫn chi tiết Nghị định số 08/2010/ND-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi | 50/2014/TT-BNNPTNT | 24/12/2014 | Điều chỉnh thông tư số 66/2011/TT - BNNPTNT hướng dẫn chi tiết Nghị định số 08/2010/ND-CP về quản lý thức ăn chăn nuôi. | <ul style="list-style-type: none"> Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Chăn nuôi, đã xác định thức ăn chăn nuôi nhập khẩu hoặc nguyên liệu thức ăn gây nhiều rủi ro với an toàn thực phẩm và môi trường Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục Chăn nuôi đề nghị thắt chặt kiểm tra đối với các sản phẩm thủy sản/chăn nuôi. |
| 63. | Thông tư số 23/2015/TT-BNNPTNT về quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. | No. 23/2015/TT-BNNPTNT | 22/6/2015 | Quy định về sản xuất, kinh doanh; kiểm nghiệm, khảo nghiệm, thử nghiệm và kiểm định; đăng ký lưu hành; quản lý chất lượng chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất (trừ các hóa chất trong Danh mục hàng dự trữ quốc gia ngành nông nghiệp), chất xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (sau đây gọi là sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường) và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan. | <p>Trách nhiệm của các bên liên quan trong quản lý sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bao gồm Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Cục trưởng Cục chăn nuôi; Phòng dịch vụ Phát triển Nông nghiệp và Nông thôn, cơ sở khảo nghiệm và cơ sở kinh doanh và sản xuất. Các cơ quan các cấp có trách nhiệm kiểm tra chất lượng sản phẩm. |
| 64. | Quyết định số 3194/QĐ-BNN-CN đề ngày 11/8/2015, về việc ban hành hướng dẫn kỹ thuật lắp đặt, sử dụng công trình khí sinh học nắp cố định, công trình khí sinh học bằng vật liệu Composite và quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, gà. | 3194 / QĐ-BNN-CN | 11/8/2015 | Hướng dẫn kỹ thuật lắp đặt, sử dụng công trình khí sinh học nắp cố định, công trình khí sinh học bằng vật liệu Composite và quy trình kỹ thuật sử dụng chế phẩm sinh học làm đệm lót sinh học chăn nuôi lợn, gà. | <ul style="list-style-type: none"> Bổ sung việc sử dụng các sản phẩm sinh học bao gồm khí sinh học vào danh mục sản phẩm được xem là cải thiện môi trường chăn nuôi. |
| 65. | Thông tư số 06/2016/TT-BNNPTNT đề ngày 31/5/2016, ban hành Danh Mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam. | 06/2016/TT-BNNPTNT | 31/05/2016 | Ban hành Danh Mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> Ban hành Danh Mục kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam và hàm lượng kháng sinh theo đó nhằm tránh ảnh hưởng đến môi trường. |
| 66. | Thông tư số 27/2016/TT-BNNPTNT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi | 27/2016/TT-BNN | 26/7/2016 | Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thức ăn chăn nuôi | <ul style="list-style-type: none"> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: Thức ăn chăn nuôi - Quy định giới hạn tối đa cho phép hàm lượng độc tố nấm mốc, kim loại nặng và vi sinh vật trong thức ăn hỗn hợp cho gia súc, gia cầm nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực lên môi trường. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|--------------------------------------|---|----------------------|----------------------|---|--|
| 67. | Thông tư số 01/2017 / TT-BNNPTNT đề ngày 16/1/2017, về việc bổ sung danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam. | 01/2017 / TT-BNNPTNT | 16/01/2017 | Bổ sung danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam. | <ul style="list-style-type: none"> Các hóa chất độc hại trong chăn nuôi gây những ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. |
| 68. | Quyết định số 397 / QĐ-CN-MTCN đề ngày 4/4/2017 về việc ban hành hướng dẫn phương án bảo vệ môi trường trong khu chăn nuôi tập trung. | 397/QĐ-CN-MTCN | 04/04/2017 | Hướng dẫn phương án bảo vệ môi trường trong khu chăn nuôi tập trung. | <ul style="list-style-type: none"> Quy định về các biện pháp bảo vệ môi trường, xử lý rác thải rắn, xử lý nước thải, xử lý khí gas thải và xử lý tiếng ồn trong chăn nuôi. |
| Lĩnh vực nuôi trồng thủy sinh | | | | | |
| 69. | Thông tư số 44/2010/TT-BNNPTNT Quy định về điều kiện cơ sở, vùng nuôi thương phẩm cá tra thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 44/2010/TT-BNNPTNT | 5/9/2010 – 20/6/2016 | Quy định về điều kiện cơ sở, vùng nuôi thương phẩm cá tra thâm canh đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | <ul style="list-style-type: none"> Điều kiện môi trường được quy định trong Chương 2: Điều kiện cơ sở, vùng nuôi. |
| 70. | Thông tư số 45/2010/TT-BNNPTNT quy định điều kiện cơ sở, vùng nuôi tôm sú, tôm chân trắng thâm canh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. | 45/2010/TT-BNNPTNT | 5/9/2010 – 26/6/2016 | Quy định về điều kiện cơ sở, vùng nuôi thương phẩm tôm sú (<i>Penaeus monodon Fabricius, 1798</i>), tôm chân trắng (<i>Penaeus vannamei Boone, 1931</i>) thâm canh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm | <ul style="list-style-type: none"> Điều kiện môi trường được quy định trong Chương 2: Điều kiện cơ sở, vùng nuôi. |
| 71. | Quyết định số 3824 / QĐ-BNN-TCTS năm 2014 về VietGAP | 3824 / QĐ-BNN-TCTS | 06/09/2014 | Quy định những nguyên tắc, yêu cầu cần áp dụng trong nuôi trồng thủy sản từ khi chuẩn bị, thả giống đến thu hoạch sản phẩm. Quy phạm này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản (không phân biệt đối tượng, hình thức nuôi trồng). | <ul style="list-style-type: none"> Thực hiện nuôi trồng thủy sản tốt sẽ giảm thiểu các tác động tiêu cực lên môi trường sinh thái, tránh những nguy hại cho sức khỏe con người và động vật thủy sinh, cũng như không gây ô nhiễm môi trường. Hoạt động nuôi trồng thủy sản phải được thực hiện có trách nhiệm đối với môi trường, theo quy định của Nhà nước và các cam kết quốc tế. Quản lý thuốc và sản phẩm vật nuôi tốt; cũng như việc quản lý tốt sự tham gia của cá nhân và tổ chức trong lĩnh vực thủy sản cần tuân thủ đúng các nguyên tắc và quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm nhằm cải thiện môi trường và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. |

Những giải pháp pháp lý trọng tâm liên quan đến ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp ở cấp độ trang trại

| STT. | Tên văn bản pháp lý | Số tham chiếu | Thời gian hiệu lực | Nội dung chính | Giải pháp ngăn chặn ô nhiễm nông nghiệp |
|------|--|--------------------|--------------------|---|---|
| 72. | Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản | 16/2015/TT-BNNPTNT | 10/04/2015 | Ban hành cùng Thông tư này là Quy chuẩn kỹ thuật về điều kiện nuôi thủy sản: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở nuôi cá lồng/bể nước ngọt – điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường. | <ul style="list-style-type: none"> • Thức ăn cho cá không được chứa các loại kháng sinh và hóa chất bị cấm dùng trong lĩnh vực thủy sản. • Ngăn ngừa và xử lý dịch bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất và chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường. |
| 73. | Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản | 26/2015/TT-BTNMT | 15/7/2015 | Quy định chi tiết Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). | <ul style="list-style-type: none"> • Chương 3: Kế hoạch quản lý môi trường nhằm quản lý nước thải. |
| 74. | Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT về đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá tác động môi trường (EIA) và kế hoạch bảo vệ môi trường (EMP) | 27/2015/TT-BTNMT | 15/7/2015 | Thông tư này quy định chi tiết thi hành điểm c Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Khoản 5 Điều 8, Khoản 7 Điều 12, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 14, Khoản 2 Điều 16, Khoản 4 Điều 17, Khoản 5 Điều 19 và Khoản 4 Điều 21 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 18/2015/NĐ-CP). | <ul style="list-style-type: none"> • Các điều kiện môi trường tự nhiên và điều kiện kinh tế xã hội trong khu vực dự án bao gồm các lĩnh vực thủy sản và nông nghiệp (Chương 2). |
| 75. | Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh trên động vật thủy sản | 04/2016/TT-BNNPTNT | 21/04/2016 | Quy định về phòng, chống dịch bệnh trên động vật thủy sản | <ul style="list-style-type: none"> • Cần xử lý nguồn nước, kiểm soát các nhân tố môi trường, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y của sản phẩm, cần xử lý nước thải và chất thải. • Nếu sử dụng thức ăn nhà làm, cần đảm bảo thức ăn tươi ngon, đảm bảo vệ sinh an toàn, không chứa mầm bệnh và bảo vệ môi trường. • Áp dụng các biện pháp kỹ thuật về nuôi trồng, ngăn ngừa dịch bệnh và quản lý môi trường theo hướng dẫn chỉ đạo của các cơ quan chuyên môn, khuyến khích sử dụng các loại vac-xin nằm trong danh mục Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn đưa ra. |

Ghi chú: a. Thuốc thú y bao gồm những loại thuốc sử dụng trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sinh. b. Các chất bảo vệ thực vật bao gồm thuốc trừ sâu, thuốc diệt nấm, thuốc diệt cỏ, và các loại thuốc kháng sinh bảo vệ cây trồng khỏi sâu bệnh và bệnh tật. BOD = nhu cầu oxy sinh học; COD = nhu cầu oxy hóa học; EIA = đánh giá tác động môi trường; EPP = kế hoạch bảo vệ môi trường; QCVN = quy chuẩn kỹ thuật (Tiêu chuẩn kỹ thuật); SEA = đánh giá môi trường chiến lược; VietGAP = Thực hành nông nghiệp tốt.